



for a living planet®

WWF-Viet Nam

Tel: +84 24 3719 3049

Fax: +84 24 3719 3048

No.6, Lane 18 Nguyen Co Thach,
Nam Tu Liem district, Hanoi, Vietnam.

I.P.O: 151

www.panda.org/vietnam

INVITATION FOR BIDS

Procuring entity: WWF-VIET NAM

Bên mời thầu: WWF-VIỆT NAM

Project's name: The Carbon and Biodiversity Project (CarBi 2)

Tên dự án: Dự án Dự trữ các bon và bảo tồn đa dạng sinh học (giai đoạn 2)

Name of bid: Supply a car for CarBi 2 project

Tên gói thầu: Cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2

Source of funds: Federal Ministry for the Environment, Nature Conservation and Nuclear Safety (BMU) through KfW

Nguồn tài trợ: Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn hạt nhân Cộng hòa Liên bang Đức (BMUB) thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (KfW)



President: Pavan Sukhdev
Director General: Marco Lambertini
President Emeritus: HRH The Duke of Edinburgh
Founder President: HRH Prince Bernhard of the Netherlands

Registered as: WWF-World Wide Fund for Nature, WWF-Fondo Mondiale per la Natura
WWF-Fondo Mundial para la Naturaleza, WWF-Fonds Mondial pour la Nature
WWF-Welt Natur Fonds. Formerly as World Wildlife Fund



for a living planet®

LETTER OF INVITATION/THƯ MỜI THẦU
Ref 30.20: Supply a car for CarBi 2 project
Gói thầu số 30.20: Cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2

Dear interested bidders,

Kính gửi Quý Nhà thầu,

WWF-Viet Nam is now inviting interested bidders to submit proposals to **supply a car for CarBi 2 project**. Quantities of Goods and technical Specifications to be supplied are in the Section 1 and Annex 4 of this invitation for bids respectively.

WWF-Việt Nam kính mời Quý Nhà thầu gửi hồ sơ dự thầu cho gói thầu **cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2**. Số lượng hàng hóa và thông số kỹ thuật được nêu tại Phần 1 và Phụ lục 4 của hồ sơ mời thầu này.

1. The quotation shall be quoted in VND and/or EUR for a fixed price including all taxes and shall remain valid for at least 60 days after the submission deadline;

Quý Nhà thầu vui lòng chào giá cố định bằng đồng Việt Nam và/hoặc đồng EUR, bao gồm tất cả các khoản thuế phí, và hồ sơ chào giá phải có hiệu lực ít nhất 60 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ thầu.

2. Documents to be supplied with the bid/Hồ sơ chào giá bao gồm:

- The Bid Submission Form: The format is provided in the Annex I for your use/ Đơn dự thầu: theo mẫu đính kèm tại Phụ lục I.
- Declaration Form: The form is provided in the Annex II for your use/ Bản tuyên bố: theo mẫu đính kèm tại Phụ lục II.
- Company profile, a copy of business license/Bản sao đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực của công ty
- Valid certificate of the Company being the authorized dealer for the offered brand/Giấy xác nhận quý công ty là nhà cung cấp được ủy quyền của hãng xe
- Detailed quotation as in the Annex III for your use/Bảng chào giá chi tiết theo mẫu đính kèm tại như Phụ lục III
- Technical specifications as in the Annex IV/Thông số kỹ thuật theo mẫu đính kèm tại Phụ lục IV
- Bid security (Annex VI)/Bảo đảm dự thầu (Phụ lục VI)

3. The proposal shall be submitted to WWF-Viet Nam no later than **3 PM, 7 May 2020** by email to **procurement@wwf.org.vn**. The subject of the email should be clearly marked “**Ref 30.20: Supply a car for CarBi 2 project**”

Quý Nhà thầu vui lòng gửi hồ sơ dự thầu **trước 15 giờ ngày 07/5/2020** đến hòm thư **procurement@wwf.org.vn**. Tiêu đề email ghi rõ “**Gói thầu 30.20: Cung cấp xe cho dự án CarBi 2.**”

Bids received after the submission deadline will be rejected. As an email with attachments may take some time to reach our designated mailbox (mentioned above), we advise all bidders



WWF *for a living planet®*

to email us your proposal well before the deadline. Please kindly note that each email submission may not exceed 25MB in size.

Hồ sơ dự thầu được gửi đến sau thời điểm hết hạn nhận hồ sơ sẽ bị loại. Để tránh trường hợp hồ sơ đến hôm thứ nói trên muộn do dung lượng file mềm nặng, Quý Nhà thầu lưu ý thời gian gửi email để đảm bảo email đến trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu lưu ý dung lượng của file mềm hồ sơ dự thầu không nên vượt quá 25MB.

The deadline for proposal submission is at 3 PM, 7 May 2020 (Hanoi time).

Thời hạn nhận hồ sơ dự thầu là: 15 giờ ngày 07 tháng 5 năm 2020 (giờ Hà Nội).

Bidders shall submit original proposals if required by WWF-Viet Nam.

Nhà thầu sẽ nộp bổ sung bản chính của hồ sơ dự thầu nếu được WWF-Việt Nam yêu cầu.

4. WWF-Viet Nam reserves the right not to accept any bid failing to meet the requirements stated in this invitation to bid. WWF-Viet Nam can cancel the process entirely and re-launch the bidding process in line with its procurement policy.

WWF-Việt Nam có quyền từ chối bất kỳ bảng chào giá nào không đáp ứng các yêu cầu đã nêu ra trong thư mời thầu. Trong các trường hợp đã được nêu rõ trong chính sách mua sắm của mình, WWF-Việt Nam có thể hủy toàn bộ quá trình thầu và mở thầu lại.

5. WWF-Viet Nam will evaluate the quotations received and a contract will be awarded to the supplier whose quotation is the lowest with substantially technical compliant offer.

WWF-Việt Nam sẽ đánh giá các hồ sơ chào giá nhận được và hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu và có bảng chào giá thấp nhất.

6. The evaluation criteria list is attached in the Annex V.

Tiêu chí đánh giá được nêu tại Phụ lục V.

7. The goods shall be delivered at **No. 6 Lane 18 Nguyen Co Thach Street, Nam Tu Liem District, Hanoi** at delivery time as proposed by successful bidder. Failure to respect the delivery date gives WWF-Viet Nam the right to cancel the contract. (Note: Head office of WWF-Viet Nam is located in Hanoi, therefore the registration for the vehicles' license might be required to be done in Hanoi)

*Hàng hóa sẽ được giao đến **số 6 Ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội** với thời điểm giao hàng do nhà thầu trúng thầu đề xuất trong hồ sơ chào giá. WWF-Việt Nam có quyền hủy bỏ hợp đồng nếu Nhà thầu bàn giao chậm tiến độ như đã cam kết. (Lưu ý: Văn phòng đại diện của WWF-Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội, vì vậy thủ tục đăng ký xe có thể phải thực hiện tại Hà Nội).*

8. Payment terms: WWF-Viet Nam might pay an advance of 20% of the total contract value. In this case, the amount will be paid to the Supplier's bank account upon signing of a contract between WWF-Viet Nam and the successful bidder and upon WWF-Viet Nam's receipt of advance payment guarantee submitted by the bidder); 80% of the contract value will be transferred to the Supplier's bank account within 7 working days upon successful delivery of the vehicles and after WWF-Viet Nam has received all required financial supporting documents (including original invoice and vehicles related documents.)

WWF-Việt Nam có thể thanh toán tạm ứng 20% giá trị hợp đồng cho nhà thầu. Trong trường hợp này, số tiền tạm ứng sẽ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản sau khi hợp đồng



WWF *for a living planet*®

giữa WWF-Việt Nam và nhà thầu trúng thầu được kí kết và nhà thầu nộp thư bảo lãnh tiền tạm ứng cho WWF-Việt Nam; 80% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán cho nhà thầu bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 7 ngày làm việc sau khi nhà thầu giao hàng thành công cho WWF-Việt Nam và WWF-Việt Nam nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán (bao gồm hóa đơn tài chính và hồ sơ giấy tờ của xe).

We appreciate receiving your interest.

Chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Nhà thầu.

Best regards.

Trân trọng.

(Signed/Đã kí)

Nguyễn Anh Quốc

CarBi Project Manager and Central Annamites Landscape Coordinator

Quản lý dự án CarBi và Điều phối Cảnh quan Trung Trường Sơn



for a living planet®

Table of Contents/Mục lục:

1. Description and quantity of goods/*Mô tả và số lượng hàng hóa*
2. Terms of the tender/*Điều kiện của WWF-Việt Nam*
3. Instructions to bidders/*Chỉ dẫn nhà thầu*
4. Annex I: Bid submission form/*Phụ lục I: Mẫu đơn dự thầu*
5. Annex II: Declaration of undertaking/*Phụ lục II: Bản tuyên bố*
6. Annex III: Quotation form/*Phụ lục III: Mẫu bảng chào giá*
7. Annex IV: Technical specifications/*Phụ lục IV: Thông số kỹ thuật*
8. Annex V: Technical criteria/*Phụ lục V: Tiêu chí đánh giá kỹ thuật*
9. Annex VI: Bid security/*Phụ lục VI: Mẫu bảo đảm dự thầu*
10. Annex VII: Advance payment guarantee/*Phụ lục VII: Mẫu bảo lãnh tạm ứng*
11. Annex VIII: Performance security/*Phụ lục VIII: Mẫu bảo đảm thực hiện hợp đồng*



for a living planet®

1. DESCRIPTION AND QUANTITY OF GOODS

MÔ TẢ VÀ SỐ LƯỢNG HÀNG HÓA

Ref./STT	Description/Mô tả	Unit/đơn vị	Quantity/Số lượng
1	Xe ô tô >= 5 chỗ, bán tải/ 5 seated-car, pickup (See Annex IV for detailed specifications/Xem yêu cầu chi tiết về thông số kỹ thuật tại Phụ lục IV)	Item/chiếc	01



WWF *for a living planet®*

2 – TERMS OF TENDER/ĐIỀU KIỆN CỦA WWF-VIỆT NAM

Delivery Place <i>Nơi giao hàng</i>	No. 6 Lane 18 Nguyen Co Thach Street, Nam Tu Liem District, Hanoi Số 6 Ngõ 18 đường Nguyễn Cơ Thạch, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Delivery time <i>Thời gian giao hàng</i>	30 days since date of contract signing 30 ngày kể từ ngày kí hợp đồng
Validity period of bidding document <i>Hiệu lực của hồ sơ dự thầu</i>	60 days (since the bid submission date) 60 ngày (kể từ ngày có thời điểm đóng thầu)
Bid opening <i>Thời gian mở thầu</i>	<p>Proposals opening will be held at 4 PM on 7th May 2020. Interested bidders are welcome to join the bid opening. If the bidders wish to join, please contact WWF-Viet Nam before 3:30 PM on 07/05/2020 via thuy.nguyenthi@wwf.org.vn to be provided with the link to access the online bid opening.</p> <p><i>Hồ sơ dự thầu sẽ được mở vào lúc 16 giờ ngày 07/05/2020. Nhà thầu vui lòng liên hệ với WWF-Việt Nam trước 15 giờ 30 ngày 07/05/2020 theo địa chỉ email thuy.nguyenthi@wwf.org.vn để được cung cấp đường link mở thầu online nếu nhà thầu có nhu cầu tham dự.</i></p>
Bid security <i>Bảo đảm dự thầu</i>	<p>When participating in bidding, bidders must take bid security measures before the deadline of bid submission in the form of a letter of guarantee of credit institutions or foreign banks' branches which are established under Vietnamese law in order to secure the liability in the bid participation of bidder.</p> <p><i>Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm trách nhiệm dự thầu của nhà thầu.</i></p> <p>Bid security value: 10,000,000 VND (In words: Ten million Vietnamese Dongs)</p> <p><i>Giá trị của bảo đảm dự thầu: 10.000.000 VND (Bằng chữ: Mười triệu đồng).</i></p> <p>Validity period of the bid security: 90 (ninety) days</p> <p><i>Hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 (chín mươi) ngày</i></p> <p>Bid security will be returned or cleared to unsuccessful bidders within 20 days since date of announcing the result of tender process.</p> <p><i>Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.</i></p> <p>For selected bidders, the bid security shall be refunded or cleared after the bidder carries out the contract performance security</p>



WWF for a living planet®

	<p><i>Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</i></p> <p><i>Note: Interested bidders shall enclose a scanned copy of the bid security in their proposal, and submit original bid security if requested by the procuring entity.</i></p> <p><i>Lưu ý: Nhà thầu gửi bản scan bảo đảm dự thầu trong hồ sơ dự thầu và sẽ nộp bản gốc bảo đảm dự thầu cho bên mời thầu khi được yêu cầu.</i></p>
Currency Đồng tiền dự thầu	<p>Currency: Vietnamese Dong (VND) and/or EUR</p> <p>Đồng tiền dự thầu là: đồng Việt Nam (VND) và/hoặc EUR</p> <p>The single currency for the conversion of all prices expressed in various currencies into a single one is VND.</p> <p>Đồng tiền quy đổi là: đồng Việt Nam (VND)</p> <p>Exchange rate/Tỷ giá quy đổi: 25,839.02 VND/EUR</p>
Language Ngôn ngữ dự thầu	<p>Proposal can be in English or Vietnamese.</p> <p>Hồ sơ chào thầu có thể bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.</p>
Performance security Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>- Before the contract comes into effect, the winning bidder must provide a contract performance security in the form of guarantee letter issued by a bank or a credit institution legally operating in Vietnam with content and requirements as prescribed in Performance Security Gurantee Form in Annex VIII.</p> <p><i>Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung và yêu cầu như quy định tại mẫu Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Phụ lục VIII.</i></p> <p>- Value of performance security: 20,000,000 VND (in words: Twenty million Vietnamese Dongs)</p> <p><i>Giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)</i></p> <p>- Validity of performance security: valids from contract effective date until the vehicle is well delivered, the two parties sign the handover note and the bidder moves to their responsibility for warranty.</p> <p><i>Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i></p>



WWF *for a living planet®*

3. INSTRUCTIONS TO BIDDERS/CHỈ DẪN NHÀ THẦU

3.1 Bidding documents must include/Hồ sơ dự thầu bao gồm:

1. Bid submission form (Annex I)/Đơn dự thầu (theo mẫu tại Phụ lục I)
2. Declaration to be signed by authorized person and stamped (Annex II)/Bản tuyên bố được kí bởi người có thẩm quyền và đóng dấu (theo mẫu tại Phụ lục II)
3. Company profile, business license copy/Hồ sơ năng lực của công ty, bản sao đăng ký kinh doanh
4. Valid certificate of the Company being the authorized dealer for the offered brand/ Giấy xác nhận nhà thầu là nhà cung cấp được ủy quyền của hãng xe
4. Financial Proposal (Annex III): Total quotation and other fees/Bảng chào giá chi tiết (theo mẫu tại Phụ lục III): tổng giá chào và các loại thuế, phí (nếu có)
6. Technical proposal (Annex IV)/Thông số kĩ thuật (Phụ lục IV)
7. Bid security (Annex VI)/Bảo đảm dự thầu (Phụ lục VI)

3.2 Clarification of tender documents/Làm rõ hồ sơ mời thầu

Potential Applicants/Bidders may request clarifications to the Tender Documents **by 5 PM 27 April 2020**. Requests shall be sent in writing to WWF-Viet Nam via email address: thuy.nguyenthi@wwf.org.vn indicating clearly the email's subject: "Clarification of Ref 30.20 Supply a car for CarBi 2 project"

Nhà thầu có thể gửi đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và đề nghị làm rõ phải được gửi bằng văn bản đến WWF-Việt Nam qua địa chỉ email: thuy.nguyenthi@wwf.org.vn trước 17 giờ ngày 27/04/2020 và tiêu đề thư ghi rõ "Làm rõ hồ sơ mời thầu Ref 30.20: Cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2".

In case there is any modification to issued Invitation for bids, it shall be introduced in the form of an addendum to the Invitation for bids. All clarifications and addenda of Invitation for bids shall be in writing and shall be sent simultaneously to each recipient of the original Invitation for bids or published in the same medium as the tender notice no later than ten (10) calendar days prior to the submission deadline.

Trong trường hợp hồ sơ mời thầu được điều chỉnh/bổ sung, nội dung điều chỉnh/bổ sung sẽ là phụ lục của hồ sơ mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ và phụ lục của hồ sơ mời thầu phải được thực hiện bằng văn bản và phải được gửi đồng thời đến cho các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu ban đầu hoặc đăng tải trên phương tiện đã đăng tải thông báo mời thầu không muộn hơn mười (10) ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu

3.4 Grounds for Exclusion/Điều kiện loại trừ

Applicants/Bidders (including all members of a Joint Venture (JV) and proposed or engaged Subcontractors under the Contract) shall not be awarded a KfW-financed Contract if, on the date of submission of their Application/Offer or on the intended date of Award of Contract, they:

Các nhà thầu (bao gồm tất cả các thành viên của Liên danh và các Nhà thầu phụ được đề xuất hoặc tham gia theo Hợp đồng) sẽ không được trao Hợp đồng do Ngân tài tái thiết Đức (sau đây gọi là KfW) tài trợ nếu, vào ngày nộp hồ sơ dự thầu hoặc vào ngày dự định trao Hợp đồng, họ:

(1) are bankrupt, being wound up or ceasing their activities, are having their activities administered by courts, have entered into receivership, or are in any analogous situation;



WWF® for a living planet®

bị phá sản hoặc ngừng hoạt động, hoạt động bị tòa án kiểm soát, đã tham gia vào hoạt động tiếp nhận hoặc ở trong bất kỳ tình huống tương tự nào;

(2) have been/trong tình trạng:

a) convicted by a final judgement or a final administrative decision or subject to financial sanctions by the United Nations, the European Union and/or Germany for involvement in a criminal organisation, money laundering, terrorist-related offences, child labour or trafficking in human beings; this criterion of exclusion is also applicable to legal Persons, whose majority of shares are held or factually controlled by natural or legal Persons which themselves are subject to such convictions or sanctions;

a) bị kết án bởi phán quyết cuối cùng hoặc quyết định hành chính cuối cùng hoặc chịu lệnh trừng phạt tài chính của Liên Hợp Quốc, Liên minh châu Âu và/hoặc Đức vì liên quan đến một tổ chức tội phạm, rửa tiền, phạm tội liên quan đến khủng bố, lao động trẻ em hoặc buôn bán người; tiêu chí loại trừ này cũng được áp dụng cho những Người hợp pháp, những người có phần lớn cổ phần được nắm giữ hoặc kiểm soát thực tế bởi những Người hợp pháp mà chính họ phải chịu những kết án hoặc trừng phạt đó.

b) convicted by a final court decision or a final administrative decision by a court, the European Union or national authorities in the partner Country or in Germany for Sanctionable Practise during any Tender Process or the performance of any Contract or for an irregularity affecting the EU's financial interests, unless they provide supporting information together with their DoU which shows that this conviction is not relevant in the context of the respective KfW financed Contract;

b) bị kết án bởi quyết định của tòa án cuối cùng hoặc quyết định hành chính cuối cùng của tòa án, Liên minh châu Âu hoặc cấp có thẩm quyền tại Quốc gia đối tác hoặc tại Đức về Hành vi trừng phạt trong bất kỳ Quy trình đấu thầu hoặc thực hiện bất kỳ Hợp đồng nào hoặc vì sự bất thường ảnh hưởng đến lợi ích tài chính của Liên minh châu Âu, trừ khi họ cung cấp thông tin hỗ trợ cùng với bản tuyên bố để chứng minh rằng phán quyết này không liên quan đến Hợp đồng này do KfW tài trợ;

(3) have been subject, within the last five years to a Contract termination fully settled against them for significant or persistent failure to comply with their contractual obligations during Contract performance, unless (i) this termination was challenged and (ii) dispute resolution is still pending or has not confirmed a full settlement against them;

trong vòng năm năm qua, Hợp đồng của họ bị chấm dứt vì không tuân thủ các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trừ khi (i) việc chấm dứt này bị thách thức và (ii) việc giải quyết tranh chấp vẫn đang chờ xử lý hoặc phương án giải quyết không hoàn toàn chống lại họ;

(4) have not fulfilled applicable fiscal obligations regarding payments of taxes either the country where they are constituted or the PEA's country;

không thực hiện nghĩa vụ tài chính hiện hành liên quan đến các khoản thanh toán thuế của nước sở tại hoặc quốc gia của bên mời thầu (BMT);

(5) are subject to an exclusion decision of the World Bank or any other multilateral development bank and are listed in the respective table with debarred and cross-debarred firms and individuals available on the World Bank's website or any other multilateral development bank, and cannot demonstrate with supporting information along with their DoU that the exclusion is not relevant in the context of the relevant KfW financed Contract;

phải chịu quyết định loại trừ của Ngân hàng Thế giới hoặc bất kỳ ngân hàng phát triển đa phương nào khác và được nêu tên trong danh sách nhà thầu bị cấm trên trang web của Ngân



WWF® *for a living planet®*

hàng Thế giới hoặc bất kỳ ngân hàng phát triển đa phương nào khác, và không thể cung cấp thông tin và bản tuyên bố để chứng minh rằng việc loại trừ không liên quan đến Hợp đồng do KfW tài trợ;

(6) have given a misrepresentation in supplying the information requested by the PEA as condition to participation in the Tender Process of the relevant Contract.

đã đưa ra một tuyên bố sai trong việc cung cấp thông tin do BMT yêu cầu như là điều kiện để tham gia vào Quy trình đấu thầu của Hợp đồng liên quan.



WWF *for a living planet*

ANNEX I/PHỤ LỤC I

[Insert Supplier logo and paper heading]/*Đặt logo của Nhà thầu tại đây*

BID SUBMISSION FORM/ĐƠN DỰ THẦU

To/Kính gửi:

WWF-Vietnam

Date/Ngày:

Subject: Ref 30.20: Supply a car for CarBi 2 project

Tiêu đề: Gói thầu số 30.20 – Cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2

Having examined the Invitation to Bid by Email (or published in the website of WWF-Viet Nam) dated *[Insert date of receiving tender notice]*, the receipt of which is hereby duly acknowledged, we, the undersigned, offer to supply in conformity with the required specifications in the Request for quotation for the sum of *[total bid amount in words and figures]*, enclosed with detailed quotation.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu qua email (hoặc thông báo mời thầu trên trang web của WWF-Việt Nam) ngày [ghi ngày nhận được thư mời nộp hồ sơ chào giá], chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

We undertake, if our Quotation is accepted, to deliver the goods in *[insert days]* days since date of contract sign.

Chúng tôi cam kết nếu trúng thầu sẽ giao hàng trong vòng [ghi số ngày] ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Our quotation is valid until: *[please insert the date (at least for 60 days after the deadline for submission of quotations)]*.

Hồ sơ chào giá của chúng tôi có hiệu lực đến: [Ghi ngày, tối thiểu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu].

Best regards./*Trân trọng.*

Legal representative of the bidder/ Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Name, title, signature and seal]/ *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*



WWF for a living planet®

ANNEX II/PHỤ LỤC II

Declaration of Undertaking/Bản tuyên bố

Reference name of the Application: Ref 30.20: Supply a car for CarBi 2 Project

Tên gói thầu: Gói thầu số 30.20: Cung cấp xe ô tô cho dự án CarBi 2

To/Kính gửi:

WWF-Việt Nam

1. We recognise and accept that KfW only finances projects of the Project Executing Agency ("PEA")¹² subject to its own conditions which are set out in the Funding Agreement it has entered into with the PEA. As a matter of consequence, no legal relationship exists between KfW and our company, our Joint Venture or our Subcontractors under the Contract. The PEA retains exclusive responsibility for the preparation and implementation of the Tender Process and the performance of the Contract.

Chúng tôi nhận thấy và chấp nhận rằng KfW chỉ tài trợ cho các dự án của Bên mời thầu (BMT) theo các điều kiện riêng được quy định trong Thỏa thuận tài trợ đã ký với BMT. Do đó, không có mối quan hệ pháp lý nào tồn tại giữa KfW và công ty của chúng tôi, Liên danh hoặc Nhà thầu phụ của chúng tôi theo Hợp đồng. Chỉ có BMT có trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện Quy trình đấu thầu và thực hiện Hợp đồng.

2. We hereby certify that neither we nor any of our board members or legal representatives nor any other member of our Joint Venture including Subcontractors under the Contract are in any of the following situations:

Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi hoặc bất kỳ thành viên nào trong hội đồng quản trị hoặc đại diện pháp lý hoặc bất kỳ thành viên nào khác trong Liên danh, kể cả các Nhà thầu phụ theo Hợp đồng, đều không thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây:

2.1 being bankrupt, wound up or ceasing our activities, having our activities administered by courts, having entered into receivership, reorganisation or being in any analogous situation; *bị phá sản hoặc ngừng hoạt động, hoặc các hoạt động của chúng tôi bị tòa án kiểm soát, đã tham gia tiếp nhận, tổ chức lại hoặc ở trong bất kỳ tình huống tương tự nào;*

2.2 convicted by a final judgement or a final administrative decision or subject to financial sanctions by the United Nations, the European Union or Germany for involvement in a criminal organisation, money laundering, terrorist-related offences, child labour or trafficking in human beings; this criterion of exclusion is also applicable to legal Persons, whose majority of shares are held or factually controlled by natural or legal Persons which themselves are subject to such convictions or sanctions;

bị kết án bởi phán quyết cuối cùng hoặc quyết định hành chính cuối cùng hoặc chịu lệnh trừng phạt tài chính của Liên Hợp Quốc, Liên minh châu Âu hoặc Đức vì liên quan đến một tổ chức tội phạm, rửa tiền, phạm tội liên quan đến khủng bố, lao động trẻ em hoặc buôn bán người; tiêu chí loại trừ này cũng được áp dụng cho những Người hợp pháp, những người có phần lớn cổ phần được nắm giữ hoặc kiểm soát thực tế bởi những Người tự nhiên hoặc hợp pháp mà chính họ phải chịu những kết án hoặc trừng phạt đó;

2.3 having been convicted by a final court decision or a final administrative decision by a court, the European Union, national authorities in the Partner Country or in Germany for Sanctionable Practice in connection with a Tender Process or the performance of a Contract or for an irregularity affecting the EU's financial interests (in the event of such a conviction, the Applicant or Bidder shall attach to this Declaration of Undertaking supporting information showing that this conviction is not relevant in the context of this Contract and that adequate compliance measures have been taken in reaction);

đã bị kết án bởi phán quyết cuối cùng của tòa án hoặc quyết định hành chính cuối cùng của tòa án, Liên minh châu Âu, chính quyền quốc gia tại Quốc gia đối tác hoặc ở Đức về Thực hành xử phạt liên quan đến Quy trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng hoặc cho sự bất



WWF for a living planet®

thường ảnh hưởng đến lợi ích tài chính của EU (trong trường hợp bị kết án như vậy, Người nộp đơn hoặc Nhà thầu sẽ đính kèm Tuyên bố cam kết thông tin hỗ trợ này cho thấy rằng bản án này không phù hợp trong bối cảnh Hợp đồng này và các biện pháp tuân thủ đầy đủ đã được thực hiện trong phản ứng);

- 2.4 having been subject within the past five years to a Contract termination fully settled against us for significant or persistent failure to comply with our contractual obligations during such Contract performance, unless this termination was challenged and dispute resolution is still pending or has not confirmed a full settlement against us;

đã bị chấm dứt hợp đồng hoàn toàn trong vòng năm năm qua vì đã không tuân thủ các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian thực hiện Hợp đồng đó, trừ khi việc chấm dứt này bị thách thức và giải quyết tranh chấp vẫn đang chờ xử lý hoặc chưa xác nhận giải quyết đầy đủ chống lại chúng tôi;

- 2.5 not having fulfilled applicable fiscal obligations regarding payments of taxes either in the country where we are constituted or the PEA's country;

không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định về việc thanh toán thuế ở quốc gia nơi chúng tôi được thành lập hoặc quốc gia của BMT;

- 2.6 being subject to an exclusion decision of the World Bank or any other multilateral development bank and being listed on the website <http://www.worldbank.org/debarr> or respectively on the relevant list of any other multilateral development bank (in the event of such exclusion, the Applicant or Bidder shall attach to this Declaration of Undertaking supporting information showing that this exclusion is not relevant in the context of this Contract and that adequate compliance measures have been taken in reaction); or

là đối tượng thuộc quyết định loại trừ của Ngân hàng Thế giới hoặc bất kỳ ngân hàng phát triển đa phương nào khác và được liệt kê trên trang web <http://www.worldbank.org/debarr> hoặc tương ứng trong danh sách có liên quan của bất kỳ ngân hàng phát triển đa phương nào khác (trong trường hợp loại trừ như vậy, Người nộp đơn hoặc Nhà thầu sẽ đính kèm với Tuyên bố cam kết thông tin hỗ trợ này cho thấy loại trừ này không liên quan trong bối cảnh của Hợp đồng này và các biện pháp tuân thủ đầy đủ đã được thực hiện trong phản ứng); hoặc là

- 2.7 being guilty of misrepresentation in supplying the information required as a condition of participation in the Tender.

phạm tội xuyên tạc trong việc cung cấp thông tin cần thiết như một điều kiện tham gia Đấu thầu.

3. We hereby certify that neither we, nor any of the members of our Joint Venture or any of our Subcontractors under the Contract are in any of the following situations of conflict of interest: *Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi và bất kỳ thành viên nào trong Liên danh hoặc bất kỳ Nhà thầu phụ nào của chúng tôi theo Hợp đồng đều không gặp phải bất kỳ tình huống xung đột lợi ích nào sau đây:*

3.1 being an affiliate controlled by the PEA or a shareholder controlling the PEA, unless the stemming conflict of interest has been brought to the attention of KfW and resolved to its satisfaction;

là một chi nhánh thuộc quản lý của BMT hoặc một cổ đông kiểm soát BMT, trừ khi xung đột lợi ích đã được trình lên KfW và được giải quyết một cách thỏa đáng bởi KfW;

3.2 having a business or family relationship with a PEA's staff involved in the Tender Process or the supervision of the resulting Contract, unless the stemming conflict of interest has been brought to the attention of KfW and resolved to its satisfaction;

có mối quan hệ kinh doanh hoặc quan hệ gia đình với cán bộ của BMT liên quan đến Quy trình đấu thầu hoặc giám sát Hợp đồng, trừ khi mâu thuẫn lợi ích đã được trình lên KfW và được giải quyết một cách thỏa đáng bởi KfW;

3.3 being controlled by or controlling another Applicant or Bidder, or being under common control with another Applicant or Bidder, or receiving from or granting subsidies directly or indirectly to another Applicant or Bidder, having the same legal representative as another Applicant or Bidder, maintaining direct or indirect contacts with another Applicant or Bidder which allows us to have or give access to information contained in the respective Applications or Offers, influencing them or influencing decisions of the PEA;



WWF® for a living planet®

bị tác động bởi hoặc tác động đến Nhà thầu khác, hoặc chịu sự tác động chung với Nhà thầu khác, hoặc nhận hoặc cấp trợ cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho Nhà thầu khác, có cùng đại diện pháp lý với Nhà thầu khác, có mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Nhà thầu khác cho phép chúng tôi tiếp cận thông tin trong hồ sơ chào thầu của nhà thầu khác, gây tác động đến các hồ sơ chào thầu này hoặc gây ảnh hưởng đến quyết định của BMT;

3.4 being engaged in a Consulting Services activity, which, by its nature, may be in conflict with the assignments that we would carry out for the PEA;

đã tham gia một hoạt động tư vấn mà bản chất của hoạt động này mâu thuẫn với các nhiệm vụ mà chúng tôi sẽ cung cấp cho BMT:

3.5 in the case of procurement of Works, Plant or Goods:

trong trường hợp đấu thầu công trình xây dựng, nhà máy hoặc mua sắm hàng hóa:

i. having prepared or having been associated with a Person who prepared specifications, drawings, calculations and other documentation to be used in the Tender Process of this Contract;

tham gia xây dựng hoặc liên hệ với cán bộ phụ trách xây dựng thông số kỹ thuật, bản vẽ kỹ thuật, bảng tiên lượng và các tài liệu khác được sử dụng trong quá trình đấu thầu của hợp đồng này;

ii. having been recruited (or being proposed to be recruited) ourselves or any of our affiliates, to carry out works supervision or inspection for this Contract;

tuyển dụng (hoặc được đề xuất để tuyển dụng) chúng tôi hoặc bất kỳ chi nhánh nào của chúng tôi, để tiến hành việc giám sát hoặc kiểm tra hoạt động của Hợp đồng này;

4. If we are a state-owned entity, and compete in a Tender Process, we certify that we have legal and financial autonomy and that we operate under commercial laws and regulations.

Nếu chúng tôi là công ty nhà nước và tham gia đấu thầu, chúng tôi chứng nhận rằng chúng tôi có quyền tự chủ về pháp lý và tài chính và chúng tôi hoạt động theo luật và quy định thương mại.

5. We undertake to bring to the attention of the PEA, which will inform KfW, any change in situation with regard to points 2 to 4 here above.

Chúng tôi cam kết sẽ thông báo đến BMT, và BMT sẽ thông báo cho KfW, mọi thay đổi liên quan đến điểm 2, 3 và 4 nêu trên.

6. In the context of the Tender Process and performance of the corresponding Contract:

Đối với quy trình đấu thầu và thực hiện hợp đồng:

6.1 neither we nor any of the members of our Joint Venture nor any of our Subcontractors under the Contract have engaged or will engage in any Sanctionable Practice during the Tender Process and in the case of being awarded a Contract will engage in any Sanctionable Practice during the performance of the Contract;

Chúng tôi và bất kỳ thành viên nào trong Liên danh cũng như bất kỳ Nhà thầu phụ nào trong Hợp đồng của chúng tôi đã tham gia hoặc sẽ tham gia vào bất kỳ Biện pháp trừng phạt nào trong Quy trình đấu thầu và trong trường hợp được trao Hợp đồng sẽ tham gia bất kỳ Biện pháp trừng phạt nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

6.2 neither we nor any of the members of our Joint Venture or any of our Subcontractors under the Contract shall acquire or supply any equipment nor operate in any sectors under an embargo of the United Nations, the European Union or Germany; and

chúng tôi và bất kỳ thành viên nào trong Liên danh hoặc bất kỳ Nhà thầu phụ nào của chúng tôi theo Hợp đồng sẽ không mua hoặc cung cấp bất kỳ thiết bị cũng như không hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực nào theo lệnh cấm vận của Liên hợp quốc, Liên minh châu Âu hoặc Đức; và

6.3 we commit ourselves to complying with and ensuring that our Subcontractors and major suppliers under the Contract comply with international environmental and labour standards, consistent with laws and regulations applicable in the country of implementation of the Contract and the fundamental conventions of the International Labour Organisation¹³ (ILO) and international environmental treaties. Moreover, we shall implement environmental and social risks mitigation measures when specified in the relevant environmental and social management plans or other similar documents provided by the PEA and, in any case,



WWF for a living planet®

implement measures to prevent sexual exploitation and abuse and gender based violence. chúng tôi cam kết tuân thủ và đảm bảo rằng các Nhà thầu phụ và nhà cung cấp chính của chúng tôi theo Hợp đồng tuân thủ các tiêu chuẩn lao động và môi trường quốc tế, phù hợp với luật pháp và các quy định áp dụng tại quốc gia thực hiện Hợp đồng và các công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và các điều ước quốc tế về môi trường. Ngoài ra, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội khi được quy định trong các kế hoạch quản lý xã hội và môi trường có liên quan hoặc các tài liệu tương tự khác do BMT cung cấp và, trong mọi trường hợp, thực hiện các biện pháp ngăn chặn lạm dụng và lạm dụng tình dục và bạo lực trên cơ sở giới.

7. In the case of being awarded a Contract, we, as well as all members of our Joint Venture partners and Subcontractors under the Contract will, (i) upon request, provide information relating to the Tender Process and the performance of the Contract and (ii) permit the PEA and KfW or an agent appointed by either of them, and in the case of financing by the European Union also to European institutions having competence under European Union law, to inspect the respective accounts, records and documents, to permit on-the-spot checks and to ensure access to sites and the respective project.

Nếu được trao Hợp đồng, chúng tôi cũng như tất cả các thành viên của liên danh và Nhà thầu phụ theo Hợp đồng sẽ, (i) theo yêu cầu, cung cấp thông tin liên quan đến Quy trình đấu thầu và việc thực hiện Hợp đồng và (ii) cho phép BMT và KfW hoặc một đại lý được chỉ định bởi một trong số họ, và trong trường hợp Liên minh châu Âu cũng tài trợ cho các tổ chức châu Âu có thẩm quyền theo luật của Liên minh châu Âu, để kiểm tra các tài khoản, hồ sơ và tài liệu tương ứng, cho phép kiểm tra tại chỗ và để đảm bảo quyền truy cập vào các trang web và dự án tương ứng.

8. In the case of being awarded a Contract, we, as well as all our Joint Venture partners and Subcontractors under the Contract undertake to preserve above mentioned records and documents in accordance with applicable law, but in any case for at least six years from the date of fulfillment or termination of the Contract. Our financial transactions and financial statements shall be subject to auditing procedures in accordance with applicable law. Furthermore, we accept that our data (including personal data) generated in connection with the preparation and implementation of the Tender Process and the performance of the Contract are stored and processed according to the applicable law by the PEA and KfW.

Trong trường hợp được trao Hợp đồng, chúng tôi cũng như tất cả các thành viên trong liên danh và Nhà thầu phụ theo Hợp đồng cam kết bảo quản các hồ sơ và tài liệu nêu trên theo luật hiện hành, nhưng trong mọi trường hợp ít nhất là sáu năm kể từ ngày thực hiện hoặc chấm dứt Hợp đồng. Các giao dịch tài chính và báo cáo tài chính của chúng tôi phải tuân theo các thủ tục kiểm toán theo luật hiện hành. Hơn nữa, chúng tôi chấp nhận rằng dữ liệu của chúng tôi (bao gồm dữ liệu cá nhân) được tạo liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện Quy trình đấu thầu và việc thực hiện Hợp đồng được lưu trữ và xử lý theo quy định hiện hành của BMT và KfW.

Name/Họ và tên: _____ In the capacity of/Trong khả năng của: _____

Duly empowered to sign in the name and on behalf of¹⁴/Được ủy quyền để ký thay cho:

Signature/Chữ kí:

Dated/Ngày tháng:

¹³ In case ILO conventions have not been fully ratified or implemented in the Employer's country the Applicant/Bidder/Contractor shall, to the satisfaction of the Employer and KfW, propose and implement appropriate measures in the spirit of the said ILO conventions with respect to a) workers grievances on working conditions and terms of employment, b) child labour, c) forced labour, d) worker's organisations and e) non-discrimination.



WWF® *for a living planet®*

Trong trường hợp các công ước của ILO chưa được phê chuẩn hoặc thực hiện đầy đủ tại quốc gia của BMT, Nhà thầu sẽ, theo sự hài lòng của BMT và KfW, đề xuất và thực hiện các biện pháp phù hợp theo tinh thần của các công ước ILO đã nói đối với a) người lao động bất bình về điều kiện làm việc và điều khoản làm việc, b) lao động trẻ em, c) lao động cưỡng bức, d) tổ chức của công nhân và e) không phân biệt đối xử.

¹⁴ In the case of a JV, insert the name of the JV. The person who will sign the application, bid or proposal on behalf of the Applicant/Bidder shall attach a power of attorney from the Applicant/Bidder.

Ghi tên liên danh trong trường hợp liên danh. Người kí đơn dự thầu hoặc hồ sơ dự thầu thay mặt nhà thầu sẽ đính kèm giấy ủy quyền của nhà thầu.



WWF *for a living planet*

ANNEX 3/PHỤ LỤC 3

Financial Proposal/Bảng chào giá

Order STT	Name of Equipment/ Tên sản phẩm	Code, trademark/ Ký hiệu, nhãn mác sản phẩm	Origin/ Xuất xứ	Quantity /Số lượng	Unit price / Đơn giá	Price before tax and duty fees/Giá trước thuế	Applicable Taxes and duty fees/Thuế áp dụng	Amount /Tổng tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) x (6)	(8)	(9) = (7) + (8)
1							
Sub-Total/Cộng								
Shipping fee to the delivery place/ Chi phí vận chuyển tới địa điểm giao nhận hàng							
Other cost, if any (Indicate clearly any cost) / Các chi phí khác, nếu có (đề nghị ghi rõ)							
Total/Tổng cộng								

- Total quotation in words (indicating currency of the quotation)/ *Tổng giá chào bằng chữ (nêu rõ đồng tiền dự thầu)* _____
- Delivery time/ *Thời gian giao hàng*: ____ days since contract signing date/ ____ ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Terms of payment / *Điều khoản thanh toán*: _____
- Warranty period/ *Thời hạn bảo hành*: _____
- Warranty places/ *Địa điểm bảo hành*: _____
- After sale service (availability of spare parts and maintenance services in Vietnam)/ *Chính sách hậu mãi (sự sẵn có của thiết bị thay thế và dịch vụ bảo trì tại Việt Nam)*: _____
- The quotation includes/excludes (Giá trên đã bao gồm/chưa bao gồm): _____
- Promotion, if any/ *Chính sách khuyến mại, nếu có*: _____

Legal representative of the bidder/ Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Name, title, signature and seal]/ [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ANNEX IV/PHỤ LỤC IV

DETAILED SPECIFICATIONS/THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT

- Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hoá được thực hiện theo tiêu chí “Đạt”; hoặc “Không đạt”/ *The evaluation of technical requirements of goods is made according to the "Met" criterion; or "Not met"*.
- Những nhà thầu không nêu các tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể mà chỉ sao chép lại nội dung yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật như trong Hồ sơ mời thầu có các dấu \geq , \leq , $>$, $<$ cũng bị đánh giá là không đạt yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đó/ *Proposals are considered unsatisfactory if the bidders do not specify specific technical standards but only copy the content of requirements of technical standards as in the Bidding Documents with \geq , \leq , $>$, $<$ marks.*
- Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật khi được đánh giá là đạt tất cả các nội dung yêu cầu được nêu dưới đây/ *Proposal is considered to be technically satisfactory if all below requirements are met.*

STT/Ref.	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan/Descriptions of goods or related services	Mô tả kỹ thuật, thông số và các tiêu chuẩn liên quan/Specifications	Mức độ đáp ứng/Evaluation criteria	
			Đạt/Met	Không đạt/Not met
I	Thông tin chung/ General Information			
1	Chủng loại hàng hóa cung cấp/Type of goods to be supplied	Xe 5 chỗ/ 5 seats	Xe 5 chỗ/ 5 seats	Khác loại xe 5 chỗ/Different from 5 seated-car
2	Kiểu dáng/ Design	Bán tải/ Pickup	Bán tải/ Pickup	Không phải bán tải/Not Pickup
3	Nhãn hiệu/Brand name	Có nhãn hiệu rõ ràng/With clear brand name	Có nhãn hiệu rõ ràng/With clear brand name	Không có nhãn hiệu rõ ràng/With no clear brand name
4	Model	Có Model rõ ràng/With clear model	Có Model rõ ràng/With clear model	Không có Model rõ ràng/With no clear model



for a living planet®

5	Xuất xứ/ <i>Origin</i>	Tất cả các quốc gia được cho là đủ điều kiện ngoại trừ xuất xứ từ quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam/ <i>All countries deemed to be eligible except from the country being punished by the UN Security Council or the European Union Council, the German Government or the Vietnamese Government.</i>	Tất cả các quốc gia được cho là đủ điều kiện ngoại trừ xuất xứ từ quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam/ <i>All countries deemed to be eligible except from the country being punished by the UN Security Council or the European Union Council, the German Government or the Vietnamese Government.</i>	Các quốc gia đang bị các biện pháp trừng phạt do Hội đồng bảo an liên Hợp quốc hoặc Hội đồng liên minh Châu Âu, Chính phủ Đức hoặc Chính phủ Việt Nam/ <i>Countries being punished by the United Nations Security Council or the European Union Council, the German Government or the Vietnamese Government.</i>
6	Năm sản xuất/ <i>Year of production</i>	Năm 2020/ <i>produced in 2020</i>	Năm 2020/ <i>produced in 2020</i>	Trước năm 2020/ <i>produced before 2020</i>
7	Màu sắc/ <i>Color</i>	Màu Bạc/ <i>Grey Color</i> hoặc/ <i>or</i> Màu trắng/ <i>White Color</i>	Màu Bạc/ <i>Grey Color</i> hoặc/ <i>or</i> Màu trắng/ <i>White Color</i>	Không phải màu bạc hoặc màu trắng/ <i>Not Grey or white</i>
8	Chế độ bảo hành/ <i>Warranty policy</i>	Bảo hành chính hãng toàn quốc/ <i>Genuine warranty nationwide</i>	Bảo hành chính hãng toàn quốc/ <i>Genuine warranty nationwide</i>	Không bảo hành chính hãng toàn quốc/ <i>No genuine warranty nationwide</i>
II	Kích thước/<i>Dimensions</i>			
1	Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm)/ <i>Overall dimensions</i>	>= 5330 x 1855 x 1815	>= 5330 x 1855 x 1815	< 5330 x 1855 x 1815



WWF *for a living planet*[®]

2	Kích thước tổng thể bên trong (D x R x C) (mm x mm x mm)	$\geq 1697 \times 1480 \times 1168$	$\geq 1697 \times 1480 \times 1168$	$< 1697 \times 1480 \times 1168$
3	Chiều dài cơ sở (mm)/ <i>Wheelbase</i>	≥ 3085	≥ 3085	< 3085
4	Chiều rộng cơ sở (Trước/ sau) (mm)/ <i>Tread</i>	$\geq 1540 / 1550$	$\geq 1540 / 1550$	$< 1540 / 1550$
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)/ <i>Ground clearance</i>	≥ 310	≥ 310	< 310
6	Góc thoát (Trước/Sau) (độ/degree)/ <i>Angle (Approach/Departure)</i>	$\geq 31/26$	$\geq 31/26$	$< 31/26$
7	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)/ <i>Min. turning radius</i>	≥ 6.4	≥ 6.4	< 6.4
8	Trọng lượng không tải (kg)/ <i>Kerb weight</i>	$\geq 2055-2090$	$\geq 2055-2090$	$< 2055-2090$
9	Trọng lượng toàn tải (kg)/ <i>Gross weight</i>	≥ 2910	≥ 2910	< 2910
10	Dung tích bình nhiên liệu (L)/ <i>Fuel tank capacity</i>	≥ 80	≥ 80	< 80
11	Kích thước khoang chở hàng (D x R x C) (mm)/ <i>Deck dimensions</i>	$\geq 1525 \times 1540 \times 480$	$\geq 1525 \times 1540 \times 480$	$< 1525 \times 1540 \times 480$
III	Động cơ/ <i>Engine</i>			
1	Loại động cơ/ <i>Model</i>	2GD-FTV (2.4L)	2GD-FTV (2.4L)	Khác 2GD-FTV (2.4L)/ <i>Different from 2GD-FTV(2.4L)</i>
2	Số xy lanh/ <i>Cylinder numbers</i>	≥ 4	≥ 4	< 4
3	Bố trí xy lanh/ <i>Design</i>	Thẳng hàng/ <i>In line</i>	Thẳng hàng/ <i>In line</i>	Khác/ <i>Different from in line</i>
4	Dung tích xy lanh (cc)/ <i>Displacement</i>	≥ 2393	≥ 2393	< 2393
5	Tỉ số nén/ <i>Compression ratio</i>	≥ 15.6	≥ 15.6	< 15.6



for a living planet®

6	Hệ thống nhiên liệu/ <i>Fuel systems</i>	Phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên/ <i>Common rail direct injection & Variable nozzle turborcharger (VNT)</i>	Phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên/ <i>Common rail direct injection & Variable nozzle turborcharger (VNT)</i>	Không phải loại phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên/ <i>Not Common rail direct injection & Variable nozzle turborcharger (VNT)</i>
7	Loại nhiên liệu/ <i>Type</i>	Dầu/ <i>Diesel</i>	Dầu/ <i>Diesel</i>	Khác loại dầu Diesel/ <i>Different from Diesel</i>
8	Công suất tối đa ((KW (HP)/ vòng/phút))/ <i>Max. output</i>	$\geq (110)147/3400$	$\geq (110)147/3400$	$< (110)147/3400$
9	Mô men xoắn tối đa (Nm @ vòng/phút)/ <i>Max. torque</i>	$\geq 400/2000$	$\geq 400/2000$	$< 400/2000$
10	Tiêu chuẩn khí thải/ <i>Emission standard</i>	Tối thiểu Euro 4/ <i>At least Euro 4</i>	Tối thiểu Euro 4/ <i>At least Euro 4</i>	Không đạt Euro 4/ <i>Euro 4 not satisfied</i>
11	Chế độ lái/ <i>Eco/ Power</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>without</i>
12	Hệ thống truyền động/ <i>Drivetrain</i>	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử/ <i>Part-time 4WD, electronic transfer switch</i>	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử/ <i>Part-time 4WD, electronic transfer switch</i>	Không có dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử/ <i>Without part-time 4WD, electronic transfer switch</i>
13	Hộp số/ <i>Transmission</i>	Số sàn 6 cấp/6MT	Số sàn 6 cấp/6MT	Khác số sàn 6 cấp/ <i>Different from 6MT</i>
14	Hệ thống treo/ <i>Suspension</i>			
14.1	Trước/ <i>Front</i>	Tay đòn kép/ <i>Double wishbone</i>	Tay đòn kép/ <i>Double wishbone</i>	Khác tay đòn kép/ <i>Different from double wishbone</i>



WWF *for a living planet®*

14.2	Sau/ Rear	Nhíp lá/Leaf spring	Nhíp lá/Leaf spring	Không phải nhíp lá/Not leaf spring
15	Hệ thống lái/ Steering system			
15.1	Trợ lực tay lái	Thủy lực/Hydraulic	Thủy lực/Hydraulic	Khác thủy lực/Different from hydraulic
16	Vành & lốp xe/ Rims&Tire			
16.1	Loại vành/Type	Mâm đúc/Alloy	Mâm đúc/Alloy	Khác loại mâm đúc/Different from alloy
16.2	Kích thước lốp/ Dimension	>= 265/65 R17	>= 265/65 R17	>= 265/65 R17
16.3	Lốp dự phòng/ Spare	Mâm đúc/Alloy	Mâm đúc/Alloy	Khác loại mâm đúc/Different from alloy
17	Phanh/ Brakes			
17.1	Trước/ Front	Đĩa/Disc	Đĩa/Disc	Khác loại đĩa/Different from disc
17.2	Sau/ Rear	Tang trống/Drum	Tang trống/Drum	Không phải tang trống/Not drum
IV	Ngoại thất/Exterior			
1	Cụm đèn trước/Front lamp cluster			
1.1	Đèn chiếu gần/Projection lamp	Halogen phản xạ đa hướng/ Halogen multi reflector	Halogen phản xạ đa hướng/ Halogen multi reflector	Không có Halogen phản xạ đa hướng/ No Halogen multi reflector
1.2	Đèn chiếu xa/Spotlight	Halogen phản xạ đa hướng/ Halogen multi reflector	Halogen phản xạ đa hướng/ Halogen multi reflector	Không có Halogen phản xạ đa hướng/ No Halogen multi reflector
1.3	Hệ thống điều khiển đèn tự động/Automatic lamp control system	Có/With	Có/With	Không có/Without
1.4	Hệ thống nhắc nhở đèn sáng/Light reminder system	Có/With	Có/With	Không có/Without



for a living planet®

1.5	Đèn báo phanh trên cao/ <i>High brake light</i>	LED	LED	Khác loại LED/ <i>Different from LED</i>
2	Đèn sương mù: trước/ <i>Fog lamp: before</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3	Gương chiếu hậu ngoài/ <i>Outside rearview mirror</i>			
3.1	Chức năng điều chỉnh điện/ <i>Electric adjustment function</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3.2	Tích hợp đèn báo rẽ/ <i>Integrated turn signal light</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3.3	Màu/ <i>Color</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Không phải mạ crôm/ <i>Not Chrome plating</i>
4	Gạt mưa/ <i>Wiper</i>			
4.1	Trước/ <i>Front</i>	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian/ <i>Intermittent & Time adjustment</i>	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian/ <i>Intermittent & Time adjustment</i>	Khác loại gián đoạn, điều chỉnh thời gian/ <i>Different from Intermittent & Time adjustment</i>
5	Chức năng sấy kính sau/ <i>Rear glass drying function</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
6	Ăng ten/ <i>Antenna</i>	Dạng cột/ <i>Column</i>	Dạng cột/ <i>Column</i>	Khác dạng cột/ <i>Different from Column</i>
7	Tay nắm cửa ngoài/ <i>Door handle</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Không phải mạ crôm/ <i>Not Chrome plating</i>
8	Thanh cản (giảm va chạm)/ <i>Strut (reduced collision)</i>			
8.1	Trước/ <i>Front</i>	Cùng màu thân xe/ <i>Color paint</i>	Cùng màu thân xe/ <i>Color paint</i>	Khác màu thân xe/ <i>Different from Color paint</i>
8.2	Sau/ <i>Rear</i>	Mạ crome/ <i>Steel step chrome</i>	Mạ crome/ <i>Steel step chrome</i>	Không phải mạ crome/ <i>Not Steel step chrome</i>



WWF *for a living planet®*

9	Lưới tản nhiệt/ <i>Grille</i>			
9.1	Trước/ <i>Front</i>	Chrome	Chrome	Chrome
9.2	Sau/ <i>Rear</i>	Cùng màu thân xe / <i>Steep step paint</i>	Cùng màu thân xe / <i>Steep step paint</i>	Khác màu thân xe/ <i>Different from Color paint</i>
10	Chắn bùn/ <i>Fenders</i>	Có/ <i>With</i>	Có/ <i>With</i>	Không có/ <i>Without</i>
V	Nội thất/<i>Interior</i>			
1	Tay lái/ <i>Steering</i>			
1.1	Loại tay lái/ <i>Type of steering wheel</i>	3 chấu/ <i>3-spoke</i>	3 chấu/ <i>3-spoke</i>	Không phải 3 chấu/ <i>Not 3-spoke</i>
1.2	Chất liệu/ <i>Material</i>	Urethane	Urethane	Khác Urethane/ <i>Different from Urethane</i>
1.3	Nút bấm điều khiển tích hợp/ <i>Integrated control button</i>	Hệ thống âm thanh, đàm thoại rảnh tay/ <i>Audio system, hands-free phone</i>	Hệ thống âm thanh, đàm thoại rảnh tay/ <i>Audio system, hands-free phone</i>	Không phải hệ thống âm thanh, đàm thoại rảnh tay/ <i>Not Audio system, hands-free phone</i>
1.4	Điều chỉnh/ <i>Adjusted</i>	Chỉnh tay 2 hướng/ <i>Manual tilt</i>	Chỉnh tay 2 hướng/ <i>Manual tilt</i>	Không phải chỉnh tay 2 hướng/ <i>Not manual tilt</i>
1.5	Bộ nhớ vị trí/ <i>Memory location</i>			
1.6	Gương chiếu hậu trong/ <i>Inside Rearview mirror</i>	2 chế độ ngày và đêm/ <i>Day & night</i>	2 chế độ ngày và đêm/ <i>Day & night</i>	Không phải 2 chế độ ngày và đêm/ <i>Not day & night</i>
1.7	Tay nắm cửa trong/ <i>Interior door handle</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>	Mạ crôm/ <i>Chrome plating</i>
2	Cụm đồng hồ/ <i>Cluster clock</i>			
2.1	Loại đồng hồ/ <i>Type of clock</i>	Analog	Analog	Không phải Analog/ <i>Not Analog</i>
2.2	Đèn báo chế độ Eco/ <i>Eco mode indicator light</i>	Có/ <i>With</i>	Có/ <i>With</i>	Không có/ <i>Without</i>



WWF *for a living planet*

2.3	Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu/ <i>The function of fuel consumption indicator</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3	Hệ thống âm thanh/ <i>Audio system</i>			
3.1	Đầu đĩa/ <i>Player</i>	CD	CD	Không phải CD/ <i>Not CD</i>
3.2	Số loa/ <i>Number of speakers</i>	≥ 6	≥ 6	< 6
3.3	Cổng kết nối AUX/ <i>AUX connection port</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3.4	Cổng kết nối USB/ <i>USB portal</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3.5	Kết nối Bluetooth/ <i>Bluetooth connect</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3.6	Hệ thống đàm thoại rảnh tay/ <i>Hands-free conversation system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
4	Hệ thống điều hòa/ <i>Air conditioning system</i>	Chỉnh tay/ <i>Manual</i>	Chỉnh tay/ <i>Manual</i>	Khác loại chỉnh tay/ <i>Different from Manual</i>
VI	Ghế/Seat			
1	Chất liệu bọc ghế/ <i>Seat cover material</i>	Nỉ/ <i>Fabric</i>	Nỉ/ <i>Fabric</i>	Chất liệu khác/ <i>Different from Fabric</i>
2	Ghế trước/ <i>Front seat</i>			
2.1	Loại ghế/ <i>Seat type</i>	Thường/ <i>Normal</i>	Thường/ <i>Normal</i>	Khác loại thường/ <i>Different from normal</i>
2.2	Điều chỉnh ghế lái/ <i>Adjust the driver seat</i>	Chỉnh tay 6 hướng/6 way manual	Chỉnh tay 6 hướng/6 way manual	Không phải chỉnh tay 6 hướng/ <i>Not 6 way manual</i>
2.3	Điều chỉnh ghế hành khách/ <i>Adjust the passenger seat</i>	Chỉnh tay 4 hướng/4 way manual	Chỉnh tay 4 hướng/4 way manual	Không phải chỉnh tay 4 hướng/ <i>Not 4 way manual</i>
3	Ghế sau/ <i>Back seat</i>			
3.1	Hàng ghế thứ hai/ <i>Second row</i>	Cố định/ <i>Fixed</i>	Cố định/ <i>Fixed</i>	Không cố định/ <i>Unfixed</i>
VII	Tiện nghi/<i>Convenient</i>			
1	Hộp làm mát/ <i>Cooling box</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
2	Khóa cửa điện/ <i>Electric door lock</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>

**WWF****for a living planet®**

3	Chức năng khóa cửa từ xa/ <i>Remote door lock function</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
4	Cửa sổ điều chỉnh điện/ <i>Adjust the power window</i>	Có (1 chạm, chống kẹt bên người lái)/ With (Auto, jam protection for driver window)	Có (1 chạm, chống kẹt bên người lái)/ With (Auto, jam protection for driver window)	Không có/ <i>Without</i>
VIII	An ninh/<i>Security</i>			
1	Hệ thống mã hóa khóa động cơ/ <i>Motor lock encryption system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
IX	An toàn chủ động/<i>Active safety</i>			
1	Hệ thống chống bó cứng phanh/ <i>Anti-lock braking system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
2	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp/ <i>Emergency braking force support system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử/ <i>Electronic brake force distribution system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
4	Hệ thống ổn định thân xe/ <i>Vehicle body stability system</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
5	Hệ thống kiểm soát lực kéo/ <i>Traction control system</i>	Có (A-TRC)/With (A-TRC)	Có (A-TRC)/With (A-TRC)	Không có/ <i>Without</i>
6	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc/ <i>The system supports horizontal departure</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
8	Đèn báo phanh khẩn cấp/ <i>Emergency brake lights</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
X	An toàn bị động/<i>Passive safety</i>			
1	Túi khí/ <i>Air bag</i>			
2	Túi khí người lái & hành khách phía trước/ <i>Driver & passenger airbags in front</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>



WWF *for a living planet®*

3	Túi khí bên hông phía trước/ <i>Front side airbags</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
4	Túi khí rèm/ <i>Curtain airbags</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
5	Túi khí đầu gối người lái/ <i>Curtain airbags</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
6	Khung xe GOA/ <i>GOA chassis</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
7	Dây đai an toàn: trước/ <i>Safety belt: front</i>	3 điểm ELR, 5 vị trí/ 3 points ELRx5	3 điểm ELR, 5 vị trí/ 3 points ELRx5	Khác 3 điểm ELR, 5 vị trí/ <i>Different from 3 points ELRx5</i>
8	Ghế có cấu trúc giảm chấn thương cổ/ <i>The chair has a structure to reduce neck injury</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
9	Cột lái tự đổ/ <i>Collapsible steering column</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>
10	Bàn đạp phanh tự đổ/ <i>Dumping brake pedal</i>	Có/With	Có/With	Không có/ <i>Without</i>

ANNEX V/PHỤ LỤC V

TECHNICAL EVALUATION/TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

1. ELIGIBILITY CRITERIA/ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Ref	Evaluation criteria/Tiêu chí đánh giá	Supplier A/Nhà thầu A	Supplier B/Nhà thầu B	Supplier C/Nhà thầu C
1	Timely submission of the Proposal/Nộp Hồ sơ chào thầu đúng hạn			
2	Submission form duly signed by authorized person/Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu kí			
3	Declaration to be signed by authorized person and stamped/Bản tuyên bố được kí bởi người có thẩm quyền và đóng dấu			
4	Business license copy submitted/Bản sao đăng ký kinh doanh được đính kèm			
5	Valid certificate of being the authorized dealer for the offered truck brand/ Giấy xác nhận là nhà cung cấp được ủy quyền của hãng xe			
6	Quotation validity: at least 60 days since submission deadline date/Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu			
7	Bid security/Đảm bảo dự thầu			
	Eligibility/Đánh giá tính hợp lệ	Y/N	Y/N	Y/N



WWF *for a living planet*

2. OTHER TECHNICAL EVALUATION CRITERIA/TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT KHÁC

Ref	Evaluation criteria/Tiêu chí đánh giá	Supplier A/Nhà thầu A	Supplier B/Nhà thầu B	Supplier C/Nhà thầu C
1	Technical Requirements met/Đáp ứng tất cả các tiêu chí kỹ thuật			
2	Delivery period/Thời gian giao hàng			
3	Warranty period/Thời gian bảo hành			
4	After sale service (Availability of spare parts and maintenance services in Vietnam)/Dịch vụ sau bán hàng (Sự sẵn có của thiết bị thay thế và dịch vụ bảo trì tại VN)			
	Technical Compliance/Đánh giá đáp ứng tiêu chí kỹ thuật	Y/N	Y/N	Y/N



WWF *for a living planet*

ANNEX VI/PHỤ LỤC VI

Note: This Annex is for reference, the bidder can use the Bid Security Form issued by a credit institution (local banks or foreign bank branches) established under Vietnamese law.

BID SECURITY⁽¹⁾

Beneficiary: ____ *[write the name and address of Purchaser]*

Issue Date: ____ *[write the date of issuance of bid security]*

BID SECURITY no.: ____ *[write the number of the bid security]*

Guarantor: ____ *[write the name and address of the issuer, if this information is not shown in the title of the paper]*

We have been advised that *[write the name of bidder]* (hereinafter referred to as "Requesting Party") will participate in bidding package named *[write the name of bidding package]* under the project *[write the name of project]* according to the Bidding documents/Invitation Notice no. *[write the extract of the Bidding documents/Invitation Notice]*.

We commit to the Beneficiary that we guarantee the bidder participating in this bidding package by the amount of ____ *[write the numerical value, in words and the currency]*.

This bid security is valid for ____ days from the date of ____.

At the request of the Requesting Party, we, as the Guarantor, will inevitably make a payment to the Beneficiary for an amount or amounts not to exceed the total amount of *[in words]* *[in number]* upon receipt of the notice of the breach from the Beneficiary in which it is stated:

1. The bidder withdraws its bid after the time of bid closing and within the effective time of the bid;
2. The bidder violates the bidding law, which leads to the cancellation of the bid as specified in Point d, ITB 41.1 under the Bidding documents;
3. The bidder fails to conduct or refuse to negotiate the contract within 5 working days from the date of receipt of the invitation to contract negotiation from the Purchaser, except for force majeure;
4. The bidder fails to conduct or refuse to finalize the contract within 20 days from the date of receipt of the letter of bid acceptance from the Purchaser or has finalized the contract but refuses to sign the contract, except for force majeure;
5. The bidder fails to secure the performance of contract shall according to the provisions in ITB 43 under the Bidding documents.

If the Requesting Party is selected, this security will expire once the Requesting Party signs the contract and submits the Contract Performance Guarantee to the Beneficiary under the agreement in that contract.

If the Requesting Party is not selected, this security shall cease to be effective once we receive a copy of the notice of the bidder selection result from the Beneficiary to the Requesting Party; within 30 days after the effective date of the bid.

Any claim under this security must be sent directly to our office on or by that date.

Representative of the Bank

[write the name, position, sign and seal]

Note: (1) Applicable in case the bid security is a letter of guarantee issued by a credit institution or a foreign bank branch established under Vietnamese law.



WWF for a living planet®

Ghi chú: Mẫu Bảo lãnh này với mục đích tham khảo. Nhà thầu có thể sử dụng mẫu bảo lãnh của tổ chức tín dụng (ngân hàng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam)

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

Bên thụ hưởng:____[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh:____[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:____[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:____[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 41.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 43 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự



WWF *for a living planet*

thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được đến tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.



WWF *for a living planet*

ANNEX VII/PHỤ LỤC VII

ADVANCE PAYMENT GUARANTEE/BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

Beneficiary: *[Insert name and address of PEA]*

Bên thụ hưởng: *[ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Date of Issue: *[insert date]*

Ngày phát hành: *[ghi ngày tháng]*

ADVANCE PAYMENT GUARANTEE No.: *[insert guarantee reference number]*

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG SỐ: *[Ghi số bảo lãnh]*

Guarantor: *[insert name and address of place of issue, unless indicated in the letterhead]*

Đơn vị bảo lãnh: *[Ghi tên và địa chỉ của đơn vị phát hành, trừ khi đã được nêu trong phần tiêu đề]*

We have been informed that *[insert name and address of Contractor, which in the case of a joint venture shall be the name and address of the joint venture]* (hereinafter called “the Contractor”) has entered into Contract No. *[insert reference number of the Contract]* dated *[insert Contract date]* with the Beneficiary, for the execution of *[insert object of the Contract and brief description of the contractual content]* (hereinafter called “the Contract”). Furthermore we understand that, according to the conditions of the Contract, an advance payment in the sum of *[insert amount and currency in words and figures]*⁶, representing *[insert percentage in words and figures]* percent of the Contract price is to be made against an advance payment guarantee.

Chúng tôi đã được thông báo rằng *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu, trong trường hợp liên doanh sẽ là tên và địa chỉ của liên doanh]* (sau đây gọi là Nhà thầu) đã ký kết Hợp đồng số *[ghi số Hợp đồng]* ngày *[ghi ngày ký Hợp đồng]* với Người thụ hưởng, để thực hiện *[ghi đối tượng của Hợp đồng và mô tả ngắn gọn về nội dung hợp đồng]* (sau đây gọi là Hợp đồng). Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo các điều kiện của Hợp đồng, một bảo lãnh tiền tạm ứng với tổng giá trị..... *[ghi giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng chữ và số]* cần phải được phát hành.

Waiving all objections and defences, we, as Guarantor, hereby irrevocably and independently undertake to pay the Beneficiary, any sum or sums not exceeding in total an amount of *[insert guarantee amount and currency in words and figures]* upon receipt by us of the Beneficiary’s first demand, supported by the Beneficiary’s statement, whether in the demand itself or a separate signed document accompanying or identifying the demand, stating that the Contractor is in breach of its obligation(s) under the Contract, without the Beneficiary needing to prove or to show grounds for the demand or the sum specified therein.

Từ bỏ tất cả sự phản đối và phòng vệ, chúng tôi, với tư cách là Người bảo lãnh, sau đây cam kết sẽ trả cho Người thụ hưởng, bất kỳ khoản tiền nào không vượt quá tổng số tiền *[ghi số tiền đảm bảo và đồng tiền bằng chữ và bằng số]*¹ ngay khi chúng tôi nhận được yêu cầu của Bên thụ hưởng, được củng cố bởi tuyên bố của Bên thụ hưởng, cho dù theo yêu cầu hoặc văn bản được ký riêng đi kèm hoặc xác định yêu cầu, nói rằng Nhà thầu vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc thể hiện căn cứ cho yêu cầu hoặc số tiền được quy định.



WWF *for a living planet*

The advance payment guarantee shall come into force and effect as soon as the advance payment has been credited to the Contractor on its account. Minor deductions of the above mentioned amount notably due to bank fees shall have no effect on the entry into force.

Bảo lãnh tạm ứng sẽ có hiệu lực ngay khi khoản thanh toán tạm ứng được ghi có vào tài khoản của Nhà thầu. Phí ngân hàng đối với khoản tiền tạm ứng này sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của bảo lãnh này.

In the event of any claim under this guarantee, payment shall be effected to Worldwide Fund For Nature, for the account of 0200158113, Citibank Vietnam - Hanoi Branch.

Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến bảo đảm này, thanh toán sẽ được thực hiện cho Worldwide Fund For Nature, tài khoản số 0200158113 tại ngân hàng Citibank Việt Nam, chi nhánh Hà Nội, Việt Nam.

This guarantee shall be automatically reduced pro rata in accordance with the payments performed and expire not later than *[insert expiry date]*.

Bảo đảm này sẽ được tự động giảm theo tỉ lệ tương ứng với các khoản thanh toán được thực hiện và hết hạn không muộn hơn [ghi ngày hết hạn].

Any demand for payment must be received by us at this office on or before that date by letter or encoded telecommunication.

Chúng tôi phải nhận được đề nghị thanh toán bằng thư hoặc viễn thông được mã hóa vào ngày hoặc trước ngày hết hạn của bảo lãnh.

It is understood that you will return this guarantee to us on expiry or after payment of the total amount to be claimed hereunder.

Điều này được hiểu rằng Quý đơn vị sẽ hoàn trả lại bảo lãnh này cho chúng tôi ngay khi bảo lãnh hết hạn hoặc sau khi toàn bộ số tiền nêu trong bảo lãnh này được thanh toán.

Note: This guarantee must be issued in the Contract currency only. Guarantee form of a bank is also acceptable

Lưu ý: Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bằng đồng tiền của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh của Ngân hàng cũng được chấp nhận

[In the case the issuing bank will not add the preferred option, insert: This guarantee is governed by the law of [insert country of jurisdiction where the bank's branch issuing the guarantee is physically located].

[Trong trường hợp ngân hàng phát hành sẽ không thêm tùy chọn ưu tiên, vui lòng ghi thêm: Bảo đảm này được điều chỉnh theo luật của ... [Ghi quốc gia có thẩm quyền nơi có chi nhánh ngân hàng phát hành bảo lãnh].

Place, date/Địa điểm, ngày tháng.....

Guarantor's authorised signature(s)/Chữ kí của người có thẩm quyền của bên bảo lãnh

Note: All italicised text (including footnotes) is for use in preparing this form and shall be deleted from the final version



WWF® *for a living planet®*

Lưu ý: Các nội dung in nghiêng (bao gồm chú thích) được sử dụng để chuẩn bị biểu mẫu này và sẽ được xóa khỏi phiên bản cuối cùng.



WWF® *for a living planet®*

ANNEX VIII/PHỤ LỤC VIII

PERFORMANCE SECURITY/BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Beneficiary: *[insert name and address of PEA]*

Bên thụ hưởng: *[ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Date of Issue: *[insert date]*

Ngày phát hành: *[ghi ngày tháng]*

PERFORMANCE SECURITY No.: *[insert security reference number]*

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: *[Ghi số của bảo đảm]*

Guarantor: *[insert name and address of place of issue, unless indicated in the letterhead]*

Đơn vị bảo đảm: *[Ghi tên và địa chỉ của đơn vị phát hành, trừ khi đã được nêu trong phần tiêu đề]*

We have been informed that *[insert name and address of Contractor, which in the case of a joint venture shall be the name and address of the joint venture]* (hereinafter called “the Contractor”) has entered into Contract No. *[insert reference number of the Contract]* dated *[insert Contract date]* with the Beneficiary, for the execution of *[insert object of the Contract and brief description of the contractual content]* (hereinafter called “the Contract”). Furthermore we understand that, according to the conditions of the Contract, a performance security is required for *[insert percentage in words and figures]*²⁷ percent of the Contract price.

Chúng tôi đã được thông báo rằng *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu, trong trường hợp liên doanh sẽ là tên và địa chỉ của liên doanh]* (sau đây gọi là Nhà thầu) đã ký kết Hợp đồng số *[ghi số Hợp đồng]* ngày *[ghi ngày ký Hợp đồng]* với Người thụ hưởng, để thực hiện *[ghi đối tượng của Hợp đồng và mô tả ngắn gọn về nội dung hợp đồng]* (sau đây gọi là Hợp đồng). Hơn nữa, chúng tôi hiểu rằng, theo các điều kiện của Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng là bắt buộc đối với giá trị..... *[ghi giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng chữ và số]*.

Waiving all objections and defences, we, as Guarantor, hereby irrevocably and independently undertake to pay the Beneficiary, any sum or sums not exceeding in total an amount of *[insert security amount and currency in words and figures]* upon receipt by us of the Beneficiary's first demand, supported by the Beneficiary's statement, whether in the demand itself or a separate signed document accompanying or identifying the demand, stating that the Contractor is in breach of its obligation(s) under the Contract, without the Beneficiary needing to prove or to show grounds for the demand or the sum specified therein.

Từ bỏ tất cả sự phản đối và phòng vệ, chúng tôi, với tư cách là Người bảo lãnh, sau đây cam kết sẽ trả cho Người thụ hưởng, bất kỳ khoản tiền nào không vượt quá tổng số tiền *[ghi số tiền bảo đảm và đồng tiền bằng chữ và bằng số]*¹ ngay khi chúng tôi nhận được yêu cầu của Bên thụ hưởng, được củng cố bởi tuyên bố của Bên thụ hưởng, cho dù theo yêu cầu hoặc văn bản được ký riêng đi kèm hoặc xác định yêu cầu, nói rằng Nhà thầu vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc thể hiện căn cứ cho yêu cầu hoặc số tiền được quy định.

In the event of any claim under this guarantee, payment shall be effected to Worldwide Fund For Nature, for the account of 0200158113, Citibank Vietnam - Hanoi Branch.



WWF® for a living planet®

Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến bảo đảm này, thanh toán sẽ được thực hiện cho Worldwide Fund For Nature, tài khoản số 0200158113 tại ngân hàng Citibank Việt Nam, chi nhánh Hà Nội, Việt Nam.

This security shall expire not later than *[insert expiry date]*². By this date we must have received any claims for payment by letter or encoded telecommunication.

Bảo đảm này sẽ hết hạn không muộn hơn [ghi ngày hết hạn]. Mọi khiếu nại về việc thanh toán phải được chúng tôi nhận trước bằng thư hoặc viễn thông được mã hóa trước ngày hết hạn của bảo đảm dự thầu.

It is understood that you will return this guarantee to us on expiry or after payment of the total amount to be claimed hereunder.

Điều này được hiểu rằng Quý đơn vị sẽ hoàn trả lại bảo lãnh này cho chúng tôi ngay khi bảo lãnh hết hạn hoặc sau khi toàn bộ số tiền nêu trong bảo lãnh này được thanh toán.

[In the case the issuing bank will not add the preferred option, insert: This guarantee is governed by the law of [Insert country of jurisdiction where the bank's branch issuing the guarantee is physically located].

[Trong trường hợp ngân hàng phát hành sẽ không thêm tùy chọn ưu tiên, vui lòng ghi thêm: Bảo đảm này được điều chỉnh theo luật của ... [Ghi quốc gia có thẩm quyền nơi có chi nhánh ngân hàng phát hành bảo lãnh].

Place, date/Địa điểm, ngày tháng.....

Guarantor's authorised signature(s)/Chữ kí của người có thẩm quyền của bên bảo lãnh

.....

Note: All italicised text (including footnotes) is for use in preparing this form and shall be deleted from the final version/Lưu ý: Các nội dung in nghiêng (bao gồm chú thích) được sử dụng để chuẩn bị biểu mẫu này và sẽ được xóa khỏi phiên bản cuối cùng.

¹This security must be issued in the Contract currency only/Bảo đảm được phát hành bằng đồng tiền của Hợp đồng

²This security shall be valid for at least 28 calendar days as of the completion date laid down in the Contract (including warranty obligations)/Bảo đảm sẽ có thời hạn tối thiểu 28 ngày tính từ ngày kí hợp đồng (bao gồm nghĩa vụ bảo hành)